

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 11 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Quách Thị Tình

2. Ông Bùi Văn Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Duy A, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Thôn Q, xã TV, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 2002

Địa chỉ: Thôn Q, xã TV, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn CM (nay là thôn TM), xã TC, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 15/7/2022, bản tự khai ngày 26/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Duy A trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 06/10/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi đăng ký kết hôn chưa có nhiều thời gian để tìm hiểu về nhau nên khi chung sống một nhà thì vợ, chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian kéo dài khiến anh A cảm thấy vô cùng mệt mỏi, chán nản.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày: 12/10/2020. Ly hôn anh A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H không có ý kiến hoặc yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của anh A.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án. Chị H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX cũng không nhận được ý kiến nào khác của các đương sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) công bố bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của anh A, công bố tóm tắt nội dung vụ án và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Nguyễn Duy A được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày: 12/10/2020 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh A. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn là chị Nguyễn Thị H đang cư trú tại Thôn CM (nay là thôn TM), xã TC, huyện T, tỉnh Thanh Hoá nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Do trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh A và chị H, đã thông báo cho các đương sự được biết về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị H được biết để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của anh A nhưng chị H không có ý kiến gì. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị H được biết nhưng chị H vắng mặt tại phiên họp không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải. Anh A có đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh A vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về hôn nhân: Anh A và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 06/10/2020. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi đăng ký kết hôn chưa có nhiều thời gian để tìm hiểu về nhau nên khi chung sống một nhà thì vợ, chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay anh, chị đã sống ly thân. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của anh A. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị H và anh A đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều không còn mong muốn hàn gắn tình cảm nữa. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh A được ly hôn chị H.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày: 12/10/2020. Ly hôn anh A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Trong vụ án này, chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng, chị Nguyễn Thị H tự ý về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, bỏ lại cháu H1 cho anh Nguyễn Duy A nuôi dưỡng. Tại Biên bản xác minh cùng ngày 11/10/2022, Chính quyền địa phương xã TV xác nhận: “Anh Nguyễn Duy A hiện nay đang làm nghề cắt tóc tại thôn TL, xã TV, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), tình trạng sức khỏe tốt, có thời gian để chăm sóc con nhỏ, anh A vẫn chăm sóc tốt cho con kể từ khi chị H bỏ đi. Hiện nay cháu Nguyễn Duy H1 đang sống cùng anh Nguyễn Duy A và bố mẹ anh Nguyễn Duy A tại Thôn Q, xã TV, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Kể từ khi chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Duy A sống ly thân (tháng 05/2022) chị H không về thăm hay gửi tiền về cho con”. Mặc dù, Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”, nhưng chị H đã không nuôi cháu H1 từ tháng 05/2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị H cũng không trình bày ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh A về phần con chung, xét thấy chị H đã có ý thức bỏ mặc, không còn quan tâm đến con cái. Hiện tại, cháu H1 đã quen với điều kiện, môi trường sống và được anh A nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất. Nếu giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu H1. Vì vậy, căn cứ Án lệ số 54/2022/AL về xác định quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi trong trường hợp người mẹ

không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 07/9/2022 và được công bố theo Quyết định số 323/QĐ-CA ngày 14/10/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao, HĐXX nhận thấy nên chấp nhận yêu cầu của anh A, giao cháu H1 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS 2015; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Duy A được ly hôn chị Nguyễn Thị H.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày: 12/10/2020 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về án phí: Anh Nguyễn Duy A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0007713 ngày 26/7/2022, anh A đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh A và chị H. Anh A và chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã TV;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Quân**